

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Ánh;
2. Bà Lưu Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Tô Quang T, sinh ngày 01/01/1985, tại **xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tô Quang V**, sinh năm 1960 và bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1964; có vợ là **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982; bị cáo chưa có con; tiền án: không; tiền sự: ngày 28/7/2025, bị **Công an xã Q** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “**Đánh bạc trái phép**” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC, chấp hành xong vào ngày 04/8/2025. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “**Cấm đi khỏi nơi cư trú**”. **Có mặt.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- + Anh **Trương Hùng Q**, sinh năm 1980. **Có mặt.**
- + Anh **Tăng T2**, sinh năm 1997. **Vắng mặt.**
- + Chị **Phan Thị L1**, sinh năm 1990. **Vắng mặt.**
- + Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1983. **Vắng mặt.**

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Lê Duy P, sinh năm 1988. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/12/2025, bị cáo đến quán nước giải khát cà phê B của chị L1 thuộc thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng để uống nước cùng với ba người khác là anh Q, anh T2 và anh P. Lúc này, bốn người rủ nhau đánh bài tiến lên 13 lá với thỏa thuận người nào thua sẽ trả tiền nước uống. Sau đó, nhóm này nói chị L1 mang ra một bộ bài tây 52 lá để bốn người cùng chơi.

Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, cả bốn người thống nhất chuyển qua hình thức đánh bài tiến lên 13 lá thắng thua bằng tiền. Quy ước như sau: người thắng nhất sẽ nhận số tiền 20.000 đồng từ người thua cuối, người thắng nhì sẽ được nhận số tiền 10.000 đồng từ người thua thứ ba. Ai ăn trắng (nghĩa là thắng cuộc sau khi kết thúc việc chia bài mà không cần phải thực hiện bất kỳ lượt đánh bài nào) sẽ thắng cược, ba người còn lại đều thua và chung cho người thắng, mỗi người 20.000 đồng. Trong mỗi ván, ai dùng tứ quý (04 lá bài có cùng giá trị (cùng số hoặc cùng chữ) nhưng khác nhau về loại (bích, chuồn, rô, cơ) chặt được hai bích thì được chung số tiền 10.000 đồng, chặt được hai chuồn thì được chung số tiền 20.000 đồng, chặt được hai rô thì được chung số tiền 30.000 đồng, chặt được hai cơ thì được chung số tiền 40.000 đồng. Sau khi thống nhất với nhau về việc chơi đánh bài, bị cáo lấy ra số tiền 130.000 đồng, Q lấy ra số tiền 200.000 đồng, P lấy ra số tiền 250.000 đồng và T2 lấy ra số tiền 150.000 đồng để đánh bạc. Việc tham gia đánh bài thắng thua bằng tiền chỉ có 04 người với tổng số tiền 730.000 đồng, trong đó, bị cáo thắng 200.000 đồng, tổng số tiền dùng đánh bạc của bị cáo 330.000 đồng, P thua 150.000 đồng, T2 thua 30.000 đồng và Q thua 20.000 đồng. Cả bốn người đều thống nhất người thắng nhiều nhất sẽ bỏ lại trong bao đựng bài số tiền 10.000 đồng. Khi kết thúc việc đánh bài, những người này sẽ đưa số tiền cho chủ quán. Chị L1 biết việc bốn người này mang bàn, ghế và bộ bài vào khu vực bếp phía sau quán cà phê để đánh bạc thắng thua bằng tiền nhưng không ngăn cản hoặc có ý kiến gì. Sau đó, bốn người cùng mang một chiếc bàn bằng nhựa màu đỏ và bốn chiếc ghế bằng nhựa màu đỏ để trong quán cà phê ra phía sau (khu vực bếp) của quán và chơi đánh bạc bằng hình thức đánh bài tiến lên 13 lá, thắng thua bằng tiền. Đến 20 giờ 45 phút cùng ngày, Công an xã Q đến kiểm tra, phát hiện sự việc, thu giữ một bộ bài 52 lá cùng với số tiền 730.000 đồng, gồm 630.000 đồng trên bàn và 100.000 đồng trong bao đựng bài dưới chân bàn.

Qua tra cứu nhân thân: bị cáo **T** có 01 tiền sự, ngày 28/7/2025, đã bị **Công an xã Q** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc trái phép*” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC, chấp hành xong vào ngày 04/8/2025. Anh **Trương Hùng Q**, anh **Lê Duy P**, anh **Tăng T2** và chị **Phan Thị L1** chưa có tiền án, tiền sự.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 bộ bài Tây 52 lá; số tiền 730.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Tô Quang T** về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Tô Quang T** phạm tội “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt: căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Tô Quang T** số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài Tây 52 lá; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 730.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được chăm sóc cha mẹ già. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền để nộp phạt. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo hình phạt khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 29/12/2025, tại quán nước giải khát, cà phê B, thuộc thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng, bị cáo T tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh tiến lên 13 lá với tổng số tiền 330.000 đồng. Trước đó, ngày 28/7/2025, đã bị Công an xã Q xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC, chấp hành xong vào ngày 04/8/2025. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: đánh bạc trái phép là một tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi gia đình và gây mất ổn định trật tự xã hội. Do vậy, mọi hành vi đánh bạc trái phép đều phải được ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận biết hành vi đánh bạc trái phép bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn bất chấp quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, xâm phạm trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tiền án, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cha mẹ già yếu, là lao động chính trong gia đình và có ông ngoại tên Trần H là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo có nơi cư trú ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo

không giam giữ, chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự phải khấu trừ thu nhập, tuy nhiên do bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định nên miễn áp dụng khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Những vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với anh **Q**, anh **T2**, anh **P** và chị **L1**: qua điều tra những người rên chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi đánh bạc của anh **Q**, anh **T2**, anh **P** và chị **L1** chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** đề nghị **Công an xã Q** xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 bộ bài Tây 52 lá, đã qua sử dụng, đây là vật chứng bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 730.000 đồng (tiền thu trên chiếu bạc): là tiền bị cáo, anh **Q**, anh **T2**, anh **P** dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9]. Về án phí: bị cáo **Tô Quang T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 292, 293, 299, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Tô Quang T phạm tội “Đánh bạc”.**

Xử phạt: bị cáo **Tô Quang T** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian được tính từ ngày cơ quan Thi hành án **Công an thành phố Đ** nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo **Tô Quang T** cho **Ủy ban nhân dân xã Q**, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài Tây 52 lá.

(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đà Nẵng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 09/4/2026).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 730.000 (Bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

(Số tiền trên đang được tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054137.000000 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII theo ủy nhiệm chi ngày 03/4/2026).

3. Về án phí: bị cáo **Tô Quang T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-5-2026). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT về hình sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan



Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA